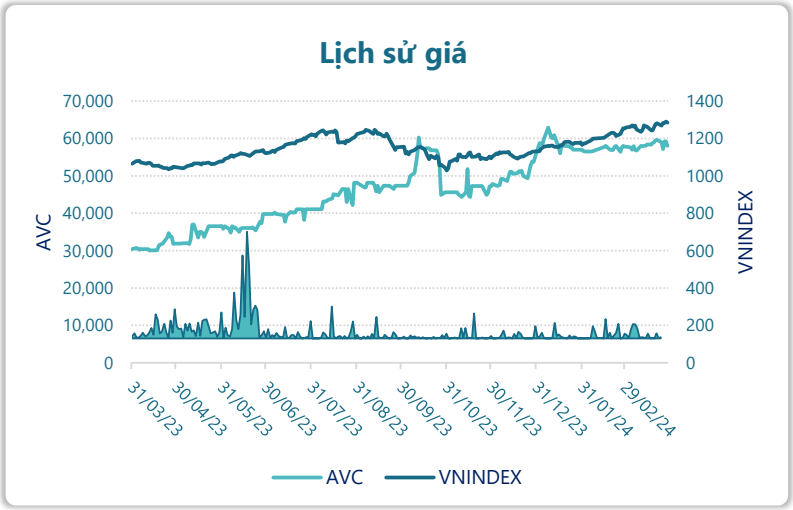
FireAnt

CTCP Thủy Điện A Vương (UPCOM: AVC)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**58,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	62,891
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,987
SL cổ phiếu LH	75,052,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,375
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,353
P/E	19.3
EPS	3,005

DT thuần

Q1/24

92.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼106| -53.5%

YoY: ▼157| -63.0%

LN sau thuế

Q1/24

33.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼32.7| -49.5%

YoY: ▼122| -78.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

55.4%

+/- YoY: ▼ 8.5%

DT thuần

2023

697

tỷ VNĐ

YoY: ▼307| -30.6%

LN sau thuế

2023

346

tỷ VNĐ

YoY: ▼226| -39.4%

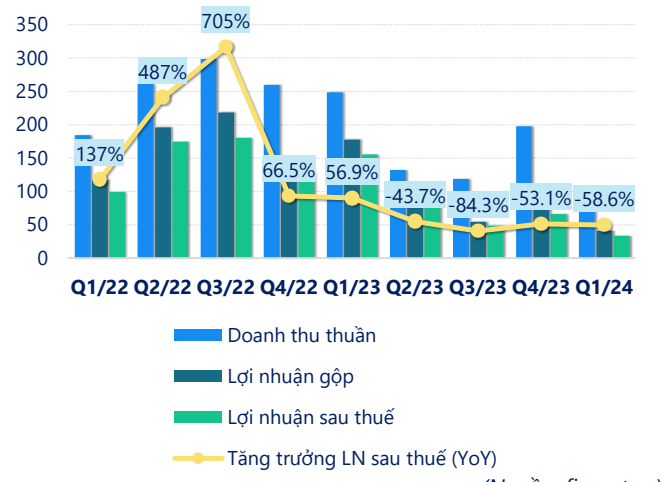
ROE

2023

22.7%

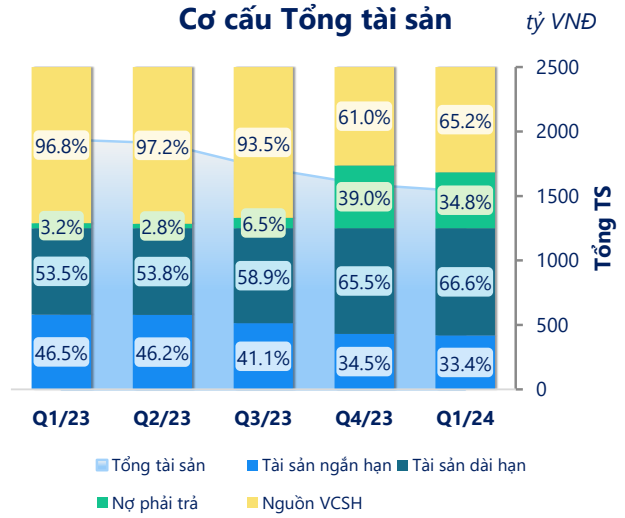
+/- YoY: ▼ 13.5%

Kết quả kinh doanh



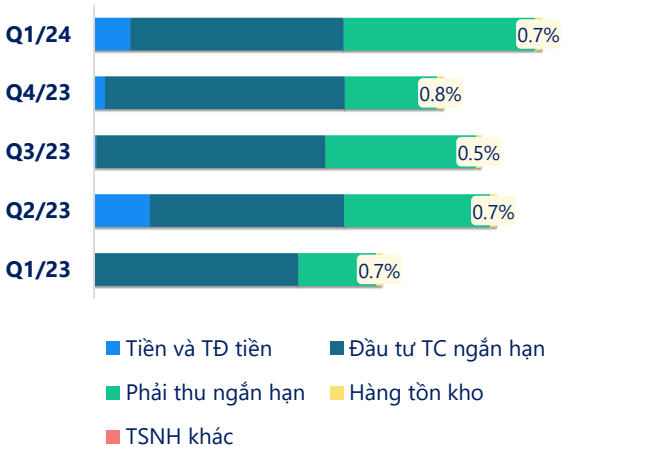
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



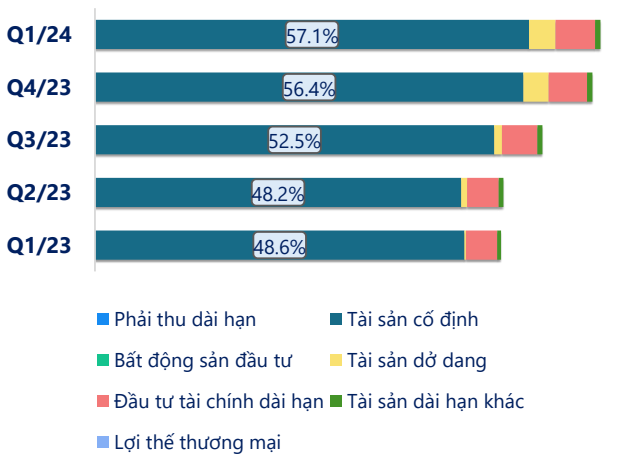
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



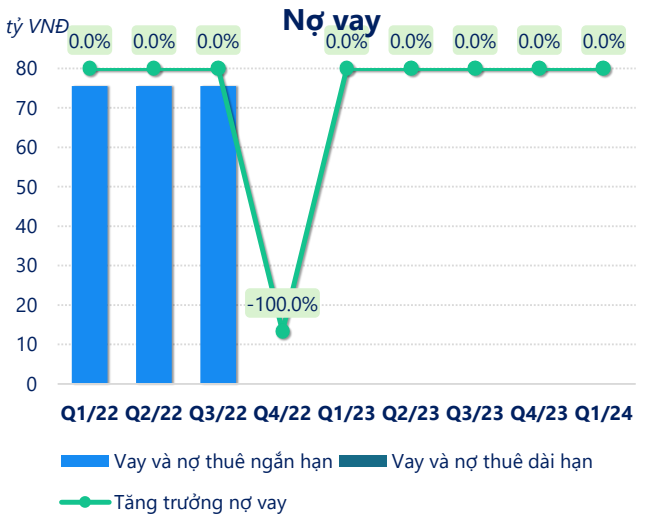
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



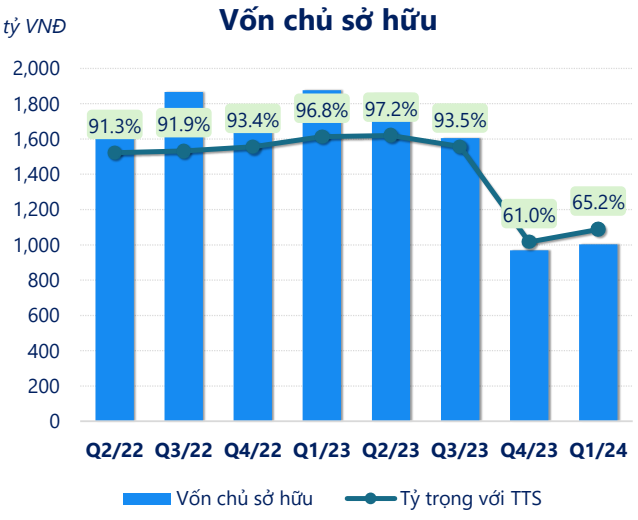
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



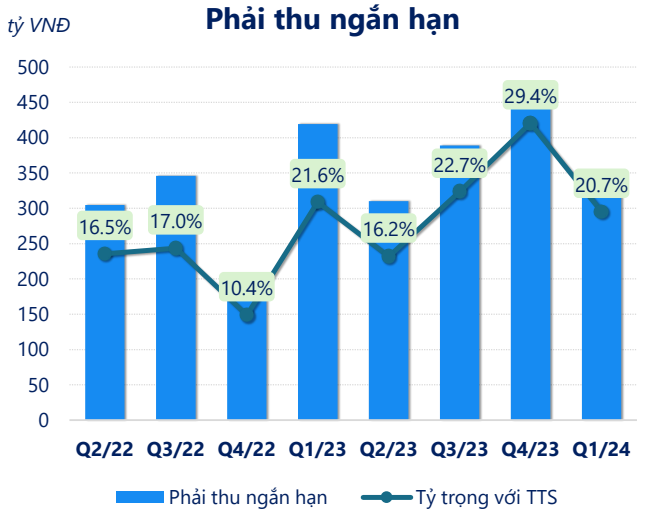
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



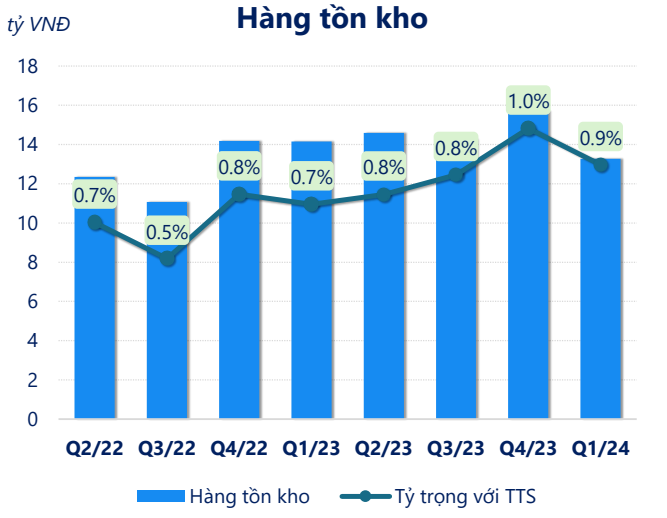
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



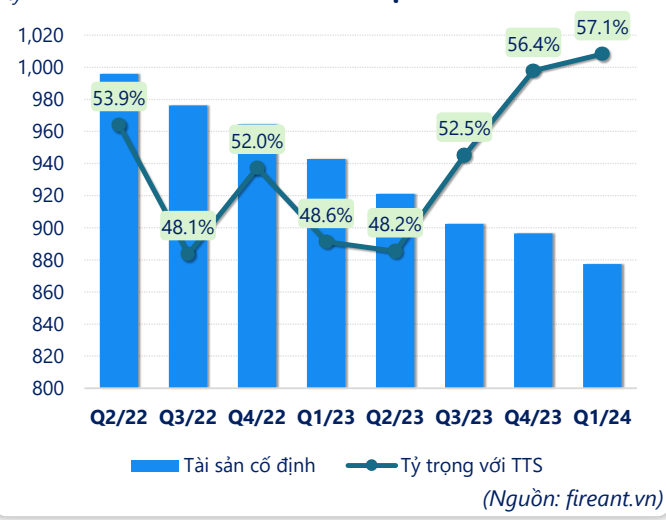
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



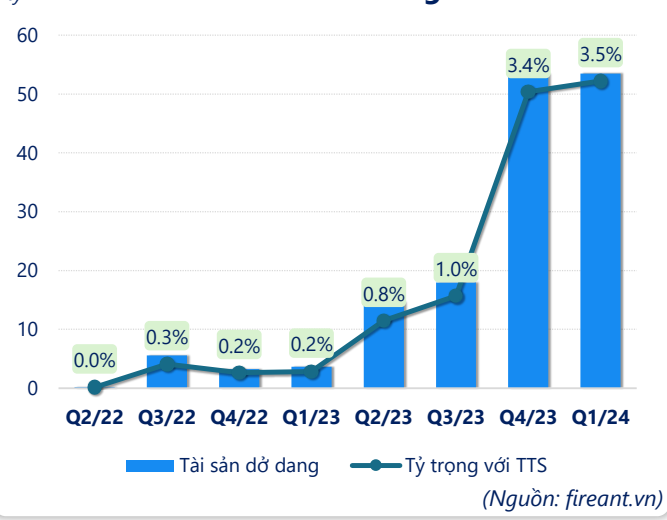
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



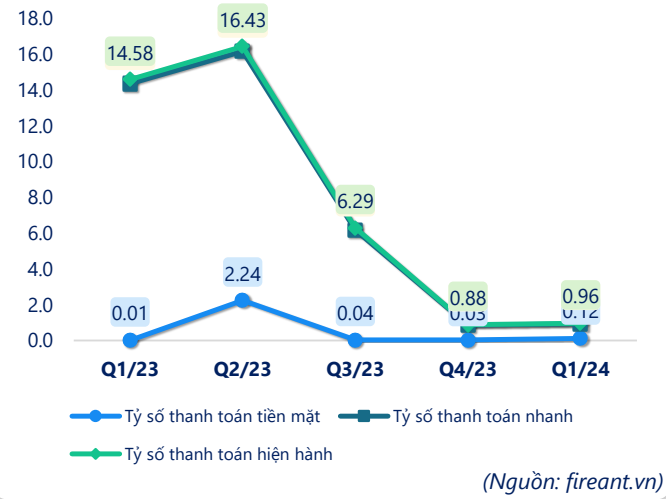
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



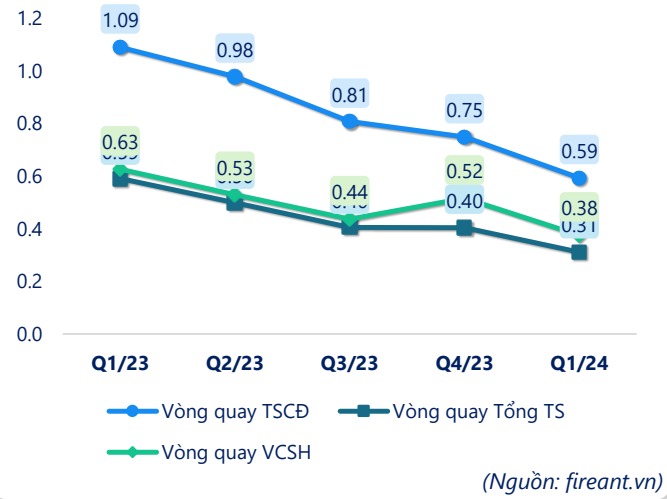
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,938**	**1,911**	**1,717**	**1,590**	**1,535**
Tài sản ngắn hạn	**902**	**883**	**706**	**549**	**513**
Tiền và tương đương tiền	0.50	120	4.11	19.6	62.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	467	432	297	45.0	120
Phải thu ngắn hạn	419	310	389	468	317
Hàng tồn kho	14.2	14.6	14.3	15.7	13.3
Tài sản ngắn hạn khác	1.01	6.24	1.17	0.19	0.38
Tài sản dài hạn	**1,037**	**1,027**	**1,012**	**1,041**	**1,022**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	943	921	902	896	877
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.68	14.6	17.9	53.4	53.4
Đầu tư tài chính dài hạn	79.8	79.8	79.8	79.8	79.8
Tài sản dài hạn khác	10.3	11.7	11.7	11.7	11.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**61.8**	**53.8**	**112**	**621**	**534**
Nợ ngắn hạn	**61.8**	**53.8**	**112**	**621**	**534**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.10	5.54	6.70	56.6	32.9
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,877**	**1,857**	**1,605**	**969**	**1,002**
Vốn chủ sở hữu	**1,877**	**1,857**	**1,605**	**969**	**1,002**
Vốn điều lệ	751	751	751	751	751
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)